

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LÂM THAO  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST

Ngày 28-10- 2022

V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM THAO, TỈNH PHÚ THỌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Khắc Chiên

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Văn Thành, ông Nguyễn Ngọc Tâm

**- Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Trung Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà:** Bà Trần Lại Khánh Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 189/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên toà số 18/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Khuất Thị G - sinh năm 1986

Địa chỉ: Khu 7, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

(Có mặt)

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T - sinh năm 1983

Địa chỉ: Khu 7, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

(Có mặt)

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Hoàng Thị C - sinh năm 1958

Địa chỉ: Khu 7, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ

(Có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Toà án, nguyên đơn chị Khuất Thị G trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn ngày 25/02/2005 tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Khi kết hôn hai bên tự

nguyên, không bị ép buộc. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là anh T không quan tâm đến gia đình, anh T có việc làm nhưng hàng tháng không đưa tiền lương cho chị nên mọi chi phí sinh hoạt gia đình đều do chị lo. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nhất là năm 2019, gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng đời sống chung vợ chồng không cải thiện được, hiện nay vợ chồng vẫn sống chung một nhà nhưng hai bên không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có 03 con chung là Nguyễn Quốc A - sinh ngày 09/5/2006, Nguyễn Quốc T - sinh ngày 24/9/2008 và Nguyễn Thu T - sinh ngày 27/7/2017. Khi ly hôn chị nhận nuôi 02 con chung là cháu T và cháu T, không đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con. Còn con chung là cháu A để anh T nuôi dưỡng. Hiện nay chị đang bị bệnh thoát vị đĩa đệm và bị mỡ nên sức khỏe không được tốt, nếu anh T nhận nuôi 03 con thì chị nhất trí.

Về tài sản chung: Chị và anh T có tài sản chung là thửa đất số 480 tờ bản đồ số 33 diện tích 772m<sup>2</sup> (diện tích đất thực tế là 636,5m<sup>2</sup>) tại khu 7, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ đã được UBND huyện Lâm Thao cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BY861649 ngày 16/7/2015 đứng tên người sử dụng anh Nguyễn Văn T, chị Khuất Thị G; tài sản trên đất là 01 ngôi nhà 2 tầng, 01 nhà bếp, 01 nhà tắm, 01 chuồng lợn, mái tôn hiên nhà, sân nhà, sân cổng nhà và sân giếng, 01 cây hồng xiêm đường kính gốc cây 15cm, 01 cây bưởi, 01 cây hồng xiêm đường kính gốc cây 10cm, 01 cây xoài, 01 cây dâu da xoan; đồ dùng sinh hoạt gia đình là 01 ti vi Samsung 43inch, 02 điều hòa LG đang lắp ở hai buồng ngủ, 01 máy giặt Toshiba, 01 tủ lạnh Panasonic, 01 téc nước Tân Á, 01 quạt trần điện cơ đang lắp ở phòng khách, 01 bình nóng lạnh nhãn hiệu ROSSI đang lắp ở phòng tắm. Ngoài tài sản này chị và anh T không có tài sản gì khác. Diện tích đất hiện nay bị thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chị không đề nghị Tòa án giải quyết diện tích đất bị thiếu. Khi ly hôn anh T nhận sở hữu toàn bộ tài sản và thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho chị thì chị nhất trí nhưng phải thanh toán cho chị 300.000.000 đồng.

Về nợ chung: Chị và anh T không nợ ai nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công sức đóng góp gia đình: Chị và anh T không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đối với số tiền chi phí tố tụng: Chị đã nộp toàn bộ số tiền chi phí tố tụng nên anh T hoàn trả cho chị ½ số tiền đã chi phí tố tụng.

*Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian và điều kiện kết hôn như chị G đã trình bày. Khi kết hôn hai bên tự nguyện, không bị ép buộc. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị G có quan hệ bất chính với người con trai khác, anh có khuyên giải chị G nhiều lần về việc

chấm dứt quan hệ bất chính này nhưng chị G không chấm dứt mà còn cãi lại anh, chị G đã trao đổi những nội dung bất chính với người con trai khác trên điện thoại của chị G, ngày 03/8/2022 anh đã bắt gặp chị G quan hệ bất chính với người con trai khác nên đã xảy ra xô xát. Mặc dù hiện nay vợ chồng vẫn sống chung một nhà nhưng hai bên không qua tâm đến nhau. Nay chị G xin ly hôn thì anh nhất trí vì tình cảm vợ chồng thực sự không còn.

Về con chung: Anh và chị G có 03 con chung là Nguyễn Quốc A - sinh ngày 09/5/2006, Nguyễn Quốc T - sinh ngày 24/9/2008 và Nguyễn Thu T - sinh ngày 27/7/2017. Khi ly hôn anh nhận nuôi 03 con chung, không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh và chị Khuất Thị G có tài sản chung là thửa đất số 480 tờ bản đồ số 33 diện tích 772m<sup>2</sup> (diện tích đất thực tế là 636,5m<sup>2</sup>) tại khu 7, xã Tiên Kiên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ đã được UBND huyện Lâm Thao cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY861649 ngày 16/7/2015 đứng tên người sử dụng anh Nguyễn Văn T, chị Khuất Thị G; tài sản trên đất là 01 ngôi nhà 2 tầng, 01 nhà bếp, 01 nhà tắm, 01 chuồng lợn, mái tôn hiên nhà, sân nhà, sân cổng nhà và sân giếng, 01 cây hồng xiêm đường kính gốc cây 15cm, 01 cây bưởi, 01 cây hồng xiêm đường kính gốc cây 10cm, 01 cây xoài, 01 cây dâu da xoan; đồ dùng sinh hoạt gia đình là 01 ti vi Samsung 43inch, 02 điều hòa LG đang lắp ở hai buồng ngủ, 01 máy giặt Toshiba, 01 tủ lạnh Panasonic, 01 téc nước Tân Á, 01 quạt trần điện cơ đang lắp ở phòng khách, 01 bình nóng lạnh nhãn hiệu ROSSI đang lắp ở phòng tắm. Ngoài tài sản này anh và chị G không có tài sản gì khác. Diện tích đất hiện nay bị thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, anh không đề nghị Tòa án giải quyết diện tích đất bị thiếu. Khi ly hôn anh nhận sở hữu toàn bộ tài sản và thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho chị G 200.000.000 đồng.

Về nợ chung: Anh và chị G không nợ ai nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công sức đóng góp gia đình: Anh và chị G không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đối với số tiền chi phí tố tụng: Chị G đã nộp toàn bộ số tiền chi phí tố tụng nên anh hoàn trả cho chị G ½ số tiền đã chi phí tố tụng.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thị C trình bày:*

Bà là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn T. Năm 2005 anh Nguyễn Văn T và chị Khuất Thị G kết hôn. Bà có thửa đất tại xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Năm 2006 bà cho vợ chồng anh T chị G một phần diện tích đất, ngày 16/7/2015 vợ chồng anh T chị G được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY861649 đứng tên người sử dụng Nguyễn Văn T và Khuất Thị G. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng anh T thì bà hoàn toàn nhất trí. Bà có làm chuồng gà, xây ống khói của nhà bếp và trồng cây mít trên đất của vợ chồng anh T chị G. Nay vợ chồng anh T chị G ly hôn thì đề nghị Tòa án giao thửa đất này

cho anh T sử dụng vì thửa đất này là của bà tặng cho, đối với chuồng gà, ống khói và cây trồng trên đất thì bà có trách nhiệm tháo dỡ, di dời khi anh T có nhu cầu sử dụng đất.

*Phát biểu của Kiểm sát viên:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký ghi biên bản phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký ghi biên bản phiên tòa và những người tham gia tố tụng dân sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ Điều 33, Điều 55, Điều 59, Điều 63, Điều 81 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 2, khoản 4 Điều 147; Điều 157; Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Khuất Thị G và anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao 03 con chung là Nguyễn Quốc A - sinh ngày 09/5/2006, Nguyễn Quốc T - sinh ngày 24/9/2008 và Nguyễn Thu T - sinh ngày 27/7/2017 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị G không phải cấp dưỡng nuôi con vì anh T không yêu cầu.

Về tài sản chung: Giao cho anh Nguyễn Văn T sở hữu, sử dụng thửa đất số 480 tờ bản đồ số 33 diện tích 636,5m<sup>2</sup> (trong đó 80m<sup>2</sup> đất ở, 556,5m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm) tại khu 7, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ trị giá 366.250.000 đồng; tài sản trên đất là 01 ngôi nhà 2 tầng, 01 nhà bếp, 01 nhà tắm, 01 chuồng lợn, mái tôn hiên nhà, sân nhà, sân cổng nhà và sân giếng, 02 cây hồng xiêm, 01 cây bưởi, 01 cây xoài, 01 cây dâu da xoan tổng trị giá 146.522.600 đồng; đồ dùng sinh hoạt gia đình là 01 ti vi Samsung 43inch, 02 điều hòa LG đang lắp ở hai buồng ngủ, 01 máy giặt Toshiba, 01 tủ lạnh Panasonic, 01 téc nước Tân Á, 01 quạt trần điện cơ đang lắp ở phòng khách, 01 bình nóng lạnh nhãn hiệu ROSSI đang lắp ở phòng tắm tổng trị giá 6.304.000 đồng. Tổng tài sản giao cho anh T sở hữu, sử dụng trị giá 519.076.600 đồng (Năm trăm mười chín triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn sáu trăm đồng). Khi nào anh Nguyễn Văn T có nhu cầu sử dụng đất thì bà Hoàng Thị C có trách nhiệm tháo dỡ, di dời chuồng gà, ống khói nhà bếp và cây mít trồng trên đất.

Anh Nguyễn Văn T phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho chị Khuất Thị G là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Về chi phí tố tụng:

Chị Khuất Thị G phải chịu 4.850.000 đồng (Bốn triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) tiền chi phí tố tụng.

Anh Nguyễn Văn T phải chịu 4.850.000 đồng (Bốn triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) tiền chi phí tố tụng. Chị G đã nộp toàn bộ tiền chi phí tố tụng nên anh Nguyễn Văn T phải hoàn trả cho chị Khuất Thị G 4.850.000 đồng (Bốn triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Về nợ chung và công sức đóng góp gia đình: Không giải quyết.

Về quyền lưu cư: Chị Khuất Thị G được quyền lưu cư trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí ly hôn và án phí chia tài sản chung: Chị Khuất Thị G và anh Nguyễn Văn T mỗi người phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Xét thấy anh Nguyễn Văn T cư trú tại xã Tiên Kiên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ. Chị Khuất Thị G xin ly hôn anh Nguyễn Văn T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Khuất Thị G và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn ngày 25/02/2005 tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Khi kết hôn hai bên tự nguyện, không bị ép buộc. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị G và anh T là hợp pháp. Chị G và anh T đều xác định vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên hiện nay vợ chồng đang sống ly thân, mặc dù hai bên vẫn sống chung một nhà nhưng không quan tâm đến nhau. Chị G xin ly hôn thì anh T nhất trí. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị G và anh T là phù hợp. Vì vậy, xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị G và anh T.

[3] Về con chung: Chị Khuất Thị G và anh Nguyễn Văn T có 03 con chung là Nguyễn Quốc A - sinh ngày 09/5/2006, Nguyễn Quốc T - sinh ngày 24/9/2008 và Nguyễn Thu T - sinh ngày 27/7/2017.

Chị G và anh T đều thống nhất thỏa thuận là giao 03 con chung cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục nên giao 03 con cho anh T nuôi dưỡng.

Đối với cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy anh T không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con nên chị G không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Chị Khuất Thị G và anh Nguyễn Văn T có tài sản chung là thửa đất số 480 tờ bản đồ số 33 tại khu 7, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ (Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY861649 của UBND huyện Lâm Thao cấp ngày 16/7/2015 đứng tên người sử dụng anh Nguyễn Văn T, chị Khuất Thị G); tài sản trên đất là 01 ngôi nhà 2 tầng, 01 nhà bếp, 01 nhà tắm, 01 chuồng lợn, mái tôn hiên nhà, sân nhà, sân cổng nhà và sân giếng, 01 cây hồng xiêm đường kính gốc cây 15cm, 01 cây bưởi, 01 cây hồng xiêm đường kính gốc cây 10cm, 01 cây xoài, 01 cây dâu da xoan; đồ dùng sinh hoạt gia đình là 01 tivi Samsung 43inch, 02 điều hòa LG đang lắp ở hai buồng ngủ, 01 máy giặt

Toshiba, 01 tủ lạnh Panasonic, 01 két nước Tân Á, 01 quạt trần điện cơ đang lắp ở phòng khách, 01 bình nóng lạnh nhãn hiệu ROSSI đang lắp ở phòng tắm.

Diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 772m<sup>2</sup>, khi xem xét thẩm định tại chỗ thì diện tích đất là 636,5m<sup>2</sup>. Mặc dù diện tích đất thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng chị G và anh T không đề nghị giải quyết nên không giải quyết diện tích đất bị thiếu.

Chị G và anh T đều thống nhất thỏa thuận là giao toàn bộ tài sản cho anh T sở hữu, sử dụng nhưng không thống nhất được số tiền anh T thanh toán chênh lệch tài sản cho chị G. Xét thấy Hội đồng định giá toàn bộ tài sản là 519.076.600 đồng, trong đó giá trị quyền sử dụng đất là 366.250.000 đồng, theo nguyên tắc là mỗi người được chia  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản, nhưng nguồn gốc đất là của bố mẹ đẻ của anh T tặng cho anh T và chị G, anh T và chị G không phải thanh toán giá trị quyền sử dụng đất cho bố mẹ đẻ của anh T nên công sức đóng góp quyền sử dụng đất là anh T nhiều hơn chị G, khi chia thì chia cho anh T  $\frac{2}{3}$  quyền sử dụng đất, chị G  $\frac{1}{3}$  quyền sử dụng đất, những tài sản sản còn lại là của chị G anh T cùng tạo lập nên mỗi người được chia  $\frac{1}{2}$ . Tổng số tiền trị giá tài sản chị G được chia là 198.496.300 đồng, anh T là 320.580.300 đồng. Tại phiên tòa anh T nhận thanh toán chênh lệch tài sản cho chị G 200.000.000 đồng là số tiền cao hơn giá trị tài sản chị G được chia nên chấp nhận yêu cầu của anh T. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị giao toàn bộ tài sản cho anh T sở hữu, sử dụng, anh T thanh toán chênh lệch tài sản cho chị G 200.000.000 đồng là phù hợp. Vì vậy, giao toàn bộ tài sản cho anh T sở hữu, sử dụng, anh T thanh toán chênh lệch tài sản cho chị G 200.000.000 đồng.

Thửa đất giao cho anh T sở hữu, sử dụng thì bà Hoàng Thị C là mẹ đẻ của anh T xây chuồng gà có diện tích 3,3m<sup>2</sup>, ống khói nhà bếp có diện tích 2m<sup>2</sup> và trồng cây mít phía sau ngôi nhà hai tầng của anh T. Bà Hoàng Thị C nhận trách nhiệm tháo dỡ, di dời chuồng gà, ống khói của nhà bếp và cây mít trồng trên đất khi anh T có nhu cầu sử dụng đất nên bà Hoàng Thị C có trách nhiệm tháo dỡ, di dời chuồng gà, ống khói của nhà bếp và cây mít trồng trên đất khi anh T có nhu cầu sử dụng đất.

[5] Về chi phí tố tụng: Xét thấy số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 9.700.000 đồng. Chị G và anh T thuận tình ly hôn và thỏa thuận mỗi người phải chịu 4.850.000 đồng. Chị G đã nộp toàn bộ số tiền này nên anh T phải hoàn trả cho chị G 4.850.000 đồng.

[6] Về án phí ly hôn: Xét thấy chị Khuất Thị G và anh Nguyễn Văn T thuận tình ly hôn khi hòa giải nên mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí.

[7] Về án phí chia tài sản chung: Chị Khuất Thị G và anh Nguyễn Văn T đều được chia tài sản nên mỗi người phải chịu án phí tương đương với phần tài sản được chia.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ Điều 55; Điều 59; Điều 63; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 2, khoản 4 Điều 147; Điều 157; Điều 165; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Khuất Thị G và anh Nguyễn Văn T.

3. Về con chung: Giao 03 con chung là Nguyễn Quốc A - sinh ngày 09/5/2006, Nguyễn Quốc T - sinh ngày 24/9/2008 và Nguyễn Thu T - sinh ngày 27/7/2017 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Khuất Thị G không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh Nguyễn Văn T không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, chị Khuất Thị G có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung và tiền chi phí tố tụng:

Xác nhận chị Khuất Thị G và anh Nguyễn Văn T có tài sản chung là thửa đất số 480 tờ bản đồ số 33 diện tích  $636,5m^2$  (trong đó  $80m^2$  đất ở,  $556,5m^2$  đất trồng cây lâu năm) tại khu 7, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ (Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY861649 của UBND huyện Lâm Thao cấp ngày 16/7/2015 đứng tên người sử dụng anh Nguyễn Văn T, chị Khuất Thị G); tài sản trên đất là 01 ngôi nhà 2 tầng, 01 nhà bếp, 01 nhà tắm, 01 chuồng lợn, mái tôn hiên nhà, sân nhà, sân cổng nhà và sân giếng, 02 cây hồng xiêm, 01 cây bưởi, 01 cây xoài, 01 cây dâu da xoan; đồ dùng sinh hoạt gia đình là 01 ti vi Samsung 43inch, 02 điều hòa LG đang lắp ở hai buồng ngủ, 01 máy giặt Toshiba, 01 tủ lạnh Panasonic, 01 téc nước Tân Á, 01 quạt trần điện cơ đang lắp ở phòng khách, 01 bình nóng lạnh nhãn hiệu ROSSI đang lắp ở phòng tắm.

Giao cho anh Nguyễn Văn T sở hữu, sử dụng thửa đất số 480 tờ bản đồ số 33 diện tích  $636,5m^2$  (trong đó  $80m^2$  đất ở,  $556,5m^2$  đất trồng cây lâu năm) tại khu 7, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ (Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY861649 của UBND huyện Lâm Thao cấp ngày 16/7/2015 đứng tên người sử dụng anh Nguyễn Văn T, chị Khuất Thị G) trị giá 366.250.000 đồng; tài sản trên đất là 01 ngôi nhà 2 tầng, 01 nhà bếp, 01 nhà tắm, 01 chuồng lợn, mái tôn hiên nhà, sân nhà, sân cổng nhà và sân giếng, 02 cây hồng xiêm, 01 cây bưởi, 01 cây xoài và 01 cây dâu da xoan tổng trị giá 146.522.600 đồng; đồ dùng sinh hoạt gia đình là 01 ti vi Samsung 43inch, 02 điều hòa LG đang lắp ở hai buồng ngủ, 01 máy giặt Toshiba, 01 tủ lạnh Panasonic, 01 téc nước Tân Á, 01 quạt trần điện cơ đang lắp ở phòng khách, 01 bình nóng lạnh nhãn hiệu ROSSI đang lắp ở phòng tắm tổng trị giá 6.304.000 đồng. Tổng tài sản giao cho anh T sở hữu, sử dụng trị giá 519.076.600 đồng (Năm trăm mười chín triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn sáu trăm đồng).

Anh Nguyễn Văn T phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho chị Khuất Thị G là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Chị Khuất Thị G phải chịu 4.850.000 đồng (Bốn triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) tiền chi phí tố tụng. Xác nhận chị Khuất Thị G đã nộp xong số tiền chi phí tố tụng.

Anh Nguyễn Văn T phải chịu 4.850.000 đồng (Bốn triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) tiền chi phí tố tụng. Chị Khuất Thị G đã nộp toàn bộ tiền chi phí tố tụng nên anh Nguyễn Văn T phải hoàn trả cho chị Khuất Thị G 4.850.000 đồng (Bốn triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

*Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, người phải thi hành án không trả tiền cho người được thi hành án mà người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án thì người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chậm trả.*

Khi nào anh Nguyễn Văn T có nhu cầu sử dụng đất thì bà Hoàng Thị C có trách nhiệm tháo dỡ, di dời chuồng gà có diện tích 3,3m<sup>2</sup>, ống khói nhà bếp có diện tích 2m<sup>2</sup> và cây mít trồng trên đất (vị trí cây mít trồng phía sau ngôi nhà hai tầng của anh T).

5. Về nợ chung và công sức đóng góp gia đình: Không giải quyết.

6. Về quyền lưu cư: Chị Khuất Thị G được quyền lưu cư trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật tại ngôi nhà xây trên thửa đất số 480 tờ bản đồ số 33 tại khu 7, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ đã giao cho anh Nguyễn Văn T sở hữu, sử dụng.

7. Về án phí:

Chị Khuất Thị G phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn và 10.000.000 đồng án phí chia tài sản chung. Tổng số tiền án phí chị G phải chịu là 10.075.000 đồng (Mười triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0002218 ngày 27/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Thao, chị Khuất Thị G còn phải nộp 9.775.000 đồng (Chín triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự.

Anh Nguyễn Văn T phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn và 15.954.000 đồng án phí chia tài sản chung. Tổng số tiền án phí anh Nguyễn Văn T phải chịu là 16.029.000 đồng (Mười sáu triệu không trăm hai mươi chín nghìn đồng).

8. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trong trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7,*



*Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Lâm Thao;
- Chi cục THADS huyện Lâm Thao;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Khắc Chiên**